TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **91**/2019/HS-ST
Ngày: 21-11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Sơn
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chiến
Ông Dương Công Túy

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Thủy - Thư ký TAND tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện VKSND tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Như Quang Nhật - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở TAND tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 93/2019/TLST-HS ngày 10 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 10 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Lê Đình C, sinh năm 1987, tại Thanh Hóa; HKTT: Xóm B, xã T, huyện T1, tỉnh Thanh Hóa; Chỗ ở hiện nay: Khu phố B1, phường T2, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không ổn định; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Đình V (đã chết) và bà Đỗ Thị H, sinh năm 1960; sống chung như vợ chồng với chị Nguyễn Ngọc Như A, có 01 con sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt, tạm giữ ngày 29/8/2018, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

2. Ngô Duy K, sinh năm 1992, tại Đồng Nai; Nơi cư trú: tổ C, khu phố M, phường T3, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không ổn định; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Ngô T, sinh năm 1955 và bà Lê Thị T1 (đã chết); Chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt, tạm giữ ngày 17/9/2018, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

3. Nguyễn Văn N, sinh năm 1994, tại Hà Nam; Nơi cư trú: khu phố H, phường T3, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hoá: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1974; Có vợ tên Nguyễn Thị Hồng H2, có 01 con sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt, tạm giữ ngày 17/9/2018, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

4. Vũ Thanh D, sinh năm 1995, tại Nam Định; Nơi cư trú: khu phố M, phường T3, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không ổn định; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Văn Đ (không rõ năm sinh) và bà Đoàn Thị T2 (không rõ năm sinh); Chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt, tạm giữ ngày 17/9/2018, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

5. Vũ Đại L, sinh năm 1993, tại Bạc Liêu; HKTT: Ấp C, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Bạc Liêu; Chỗ ở hiện nay: Tổ CB, khu phố M, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không ổn định; Trình độ văn hoá: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Văn T3, sinh năm 1968 và bà Thạch Thị M, sinh năm 1972; Chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt, tạm giữ ngày 17/9/2018, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

6. Mai Thế H3, sinh năm 1991, tại Hải Dương; HKTT: Thôn Đ2, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương; Chỗ ở hiện nay: Tổ B, khu phố 4C, phường T2, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không ổn định; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Mai Thế T4, sinh năm 1961 và bà Đặng Thị L1, sinh năm 1971; Sống chung như vợ chồng với chị Nguyễn Thị Hồng H3, có 01 con sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt, tạm giữ ngày 18/9/2018, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

- Người bào chữa theo chỉ định cho các bị cáo: Luật sư Trương Lê Minh T5 – Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

- Bị hại: Anh Dương Đăng K1, sinh năm 1987.

Địa chỉ: khu P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Chị Trương Vũ Thủy T6, sinh năm 1987.

Địa chỉ: khu P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

2. Anh Phạm Đình D1, sinh năm 1990.

Địa chỉ: tổ 39A, khu phố MA, phường T4, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

3. Bà Mai Thị K2, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Tổ 39A, khu phố MA, phường T4, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

4. Anh Bùi Minh H4, sinh năm 1991.

Địa chỉ: tổ 35, khu phố C, phường T4, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào ngày 04/12/2017, anh Dương Đăng K1, sinh năm 1987, là Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Đầu tư T (gọi tắt là Công ty T), địa chỉ: đường L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai đăng thư mời các khách hàng (tổ chức, cá nhân) cùng hợp tác đầu tư vào Dự án phân lô đất nền tại Khu dân cư A gồm 18 thửa đất (từ thửa 603 đến thửa 624), tờ bản đồ số 61, thuộc xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Trong thời gian thực hiện Dự án trên, anh K1 có quen biết với Nguyễn Văn T7, sinh năm 1986, hộ khẩu đăng ký thường trú: ấp T5, xã T6, huyện C1, tỉnh Cà Mau. Do cần vốn kinh doanh nên anh K1 có thỏa thuận với T7: nếu T7 giới thiệu khách hàng giao dịch thành công việc sang nhượng hoặc góp vốn Dự án phân lô đất nền với số tiền 15.000.000.000đ (Mười lăm tỷ đồng) thì anh K1 trích thưởng cho T7 02%, nếu giá trị hợp đồng trên 17.000.000.000đ (Mười bảy tỷ đồng) thì anh K1 trích thưởng cho T7 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng).

Ngày 17/12/2017, T7 giới thiệu chị Nguyễn Ngọc H5, sinh năm 1960, hộ khẩu đăng ký thường trú: phường L4, quận T4, Thành phố Hồ Chí Minh đến Công ty T gặp anh K1 để thỏa thuận góp vốn. Trên hợp đồng góp vốn, hai bên thỏa thuận ghi tổng giá trị dự án là 70.000.000.000đ (Bảy mươi tỷ đồng), chị H5 góp vốn 50% tương đương số tiền 35.000.000.000đ (Ba mươi lăm tỷ đồng), nhưng thực tế chị H5 chỉ góp 12.000.000.000đ (Mười hai tỷ đồng) và đã đưa trước cho anh K1 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng). Anh K1 đã trích thưởng cho T7 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) và T7 cam kết không thắc mắc khiếu nại về số tiền trích thưởng trên. Sau đó, T7 kể lại việc anh K1 trích thưởng cho Phạm Đình V1 và Lê Đình C nghe. V1 cho rằng tiền trích thưởng phải là 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng) nên V1 nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của anh K1. Thực hiện ý định trên, khoảng 18 giờ ngày 18/12/2017, V1 gọi điện thoại nói C đến quán cà phê A ở đường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai gặp V1 và T7. Tại đây, V1 nói C đi lấy tiền trích thưởng anh K1 nợ T7 thì C đồng ý. Sau đó, V1 gọi điện thoại cho Ngô Duy K nói K tìm thêm người nên K gọi điện thoại cho Nguyễn Văn N và N đã rủ Vũ Thanh D, Vũ Đại L, Mai Thế H3 cùng với K đến quán cà phê A gặp V1, C và T7. Tại quán cà phê A, V1 yêu cầu K, N, D, L, H3 đi hỗ trợ C đến thị trấn L, huyện L lấy 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng) anh K1 nợ T7 thì K, N, D, L, H3 đồng ý. Sau đó, V1 thuê anh Bùi Minh H2, sinh năm 1991, hộ khẩu đăng ký thường trú: khu phố 9, phường T4, thành phố B điều khiển xe ô tô biển số 60A-433.xx chở C, K, N, D, L, H3 đi lấy tiền của anh K1 nhưng do xe không đủ chỗ ngồi nên K ở lại quán cà phê A cùng V1 và T7.

Lúc 22 giờ 20 phút ngày 18/12/2017, C, N, D, L, H3 đến Công ty T gặp anh K1, còn anh H4 ngồi chờ trong xe ô tô. C yêu cầu anh K1 đưa 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng) với lý do anh K1 nợ tiền trích thưởng của T7. Anh K1 nói không nợ tiền T7 và không đồng ý giao tiền thì C lấy điện thoại của anh K1 tắt nguồn, dùng tay đánh vào mặt anh K1, còn N, D, L, H3 ngồi chặn phía trước cửa văn phòng Công ty T. Lúc này, Anh K1 nói không có tiền nên C yêu cầu anh K1 đưa trước 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) và buộc anh K1 phải viết giấy nhận nợ 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) đến 10 giờ ngày 19/12/2017 phải giao đủ tiền cho C. Anh K1 nói tiền ở công ty không đủ vì để ở ngân hàng thì C nói "Mày muốn đóng cửa luôn đêm nay hay mai nói chuyện", còn D nói "Giải quyết trong đêm nay". C yêu cầu anh K1 gọi điện thoại cho chị Trương Vũ Thủy T6 (vợ anh K1) yêu cầu chị T6 đem tiền đến

công ty nhưng anh K1 không đồng ý vì chị T6 mới sinh con. C tiếp tục yêu cầu anh K1 đọc số điện thoại của chị T6 để C dùng điện thoại của C số 0946667678 gọi điện thoại cho chị T6 số 0932120587 yêu cầu anh K1 nói chị T6 chuẩn bị tiền. Sau đó, C, N đưa anh K1 ra xe ô tô để anh H4 chở về nhà anh K1 tại số 11/3, tổ 4, khu P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai lấy tiền. Trên đường đi, do anh K1 chỉ không đúng đường và nói C cướp tiền của mình nên C dùng tay đánh 01 cái vào mặt anh K1. Khi đến nhà anh K1, C yêu cầu anh K1 gọi điện thoại cho chị T6 đem 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) đưa cho N và C. Sau đó C, N và anh K1 trở lại Công ty T lấy thêm 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) và C yêu cầu anh K1 đưa thêm ít tiền ăn tối. Khi anh K1 cầm xấp tiền đang đếm thì C giật xấp tiền lấy 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng). Như vậy, tổng số tiền C cùng đồng bọn chiếm đoạt của anh K1 là 512.000.000đ (Năm trăm mười hai triệu đồng). Sau khi chiếm đoạt tiền của anh K1, C, N, D, H3, L về quán cà phê A và C đã đưa hết tiền cho V1. V1 chia cho C, K, N, D, H3, L mỗi người 10.000.000đ (Mười triệu đồng) và đưa thêm cho C 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) để cả nhóm đi ăn uống. Sau đó, V1 gọi điện cho Phạm Đình D1 (em ruột V1), sinh năm 1990, hộ khẩu đăng ký thường trú: khu phố 9, phường T4, thành phố B đến quán cà phê A gặp V1 lấy số tiền còn lại đem về nhà đưa cho bà Mai Thị K2 (mẹ của V1) cất giữ. Sáng ngày 19/12/2017, V1 cùng C, K, N, D, H3, L đến Công ty T tìm anh K1 để lấy số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) mà anh K1 đã nhận nợ, nhưng Công ty T đóng cửa nên các bị cáo không lấy được tiền. Ngày 29/8/2018, C bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai bắt giữ. Đến ngày 17/9/2018, N, D, L đến Công an phường H, thành phố B đầu thú; còn K đầu thú tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai; riêng H3 đầu thú ngày 18/9/2018 tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường lúc 17 giờ 30 phút ngày 21/12/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai xác định:

Hiện trường nơi xảy ra vụ án tại Công ty T thuộc tổ 15, L, khu P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Trụ sở Công ty T là căn nhà 01 trệt, 01 lầu, kết cấu mái tôn, tường gạch, nền gạch bông. Tầng lầu là các phòng ngủ, tầng trệt hướng từ Nam sang Bắc bố trí như sau: Văn phòng rộng 6m60 x 3m30, nhà vệ sinh rộng 2m20 x 1m50, phòng bếp rộng 3m30 x 3m10. Tại văn phòng thấy:

+ Giữa tường hướng Nam là khung nhôm kính kích thước 2m50 x 2m20, giữa khung nhôm có cửa kính kích thước 2m20 x1m.

+ Góc tường hướng Tây Nam có đặt 01 bàn kính kích thước 50cm x 50cm, cao 70cm, xung quanh có 02 ghế nhựa.

+ Góc tường hướng Đông Nam là vị trí bàn gỗ dài 1m x 50cm, cao 75cm.

+ Giữa phòng có 04 bàn gỗ xếp cạnh nhau thành hình chữ nhật, mỗi bàn dài 1m20 x60cm, cao 75cm, xung quanh các bàn này có 6 ghế nhựa, giáp 4 bàn trên về hướng Bắc có 01 bàn gỗ cùng kích thước.

+ Trên tường hướng Bắc và ở góc phòng Đông Bắc là vị trí camera không nhãn hiệu, màu trắng, cách đất 1m90.

+ Trong phòng không thấy dấu hiệu đồ đạc bị xáo trộn, đập phá.

Vật chứng Cơ quan điều tra thu giữ gồm:

- Một thẻ nhớ 4G Camera của Công ty T lưu giữ hình ảnh và âm thanh của các bị cáo đã thực hiện hành vi "Cưỡng đoạt tài sản" ngày 18/12/2017 tại Công ty T, do anh K1 giao nộp và đã được niêm phong.

- Một giấy cam kết trích thưởng ngày 16/12/2017 của Công ty T.

- Một giấy nhận tiền trích thưởng của Nguyễn Văn T7 ngày 17/12/2017.

- Một phiếu thu tiền 02 tỷ đồng ngày 17/12/2017 của Công ty T.

- 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) do các bị cáo và gia đình bị cáo tự nguyện giao nộp. Cơ quan điều tra đã trả lại 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) cho anh Dương Đăng K1.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Dương Đăng K1 yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền bị chiếm đoạt còn lại là 452.000.000đ (Bốn trăm năm mươi hai triệu đồng).

Đối với số tiền V1 đã đưa cho D1, quá trình điều tra xác định ngày 19/12/2017 D1 đã đến Ngân hàng Sacombank Đồng Nai - Phòng giao dịch T4 gửi số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) vào tài khoản của V1 số 070077179230 mở tại Ngân hàng Sacombank Tiền Giang - Phòng giao dịch A, số tiền này đã được V1 rút hết không còn trong tài khoản. Số tiền còn lại, D1 và bà Mai Thị K2 khai vào chiều ngày 19/12/2017, V1 đã về nhà lấy hết và nói số tiền trên là do môi giới bất động sản có được.

Quá trình điều tra, C khai V1 đưa 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) để chuyển cho T7. C đã chuyển số tiền trên vào tài khoản của T7 tại Ngân hàng Vietcombank Đồng Nai - Phòng giao dịch T. Qua kết quả xác minh xác định T7 có mở tài khoản tại Ngân hàng Vietcombank Đồng Nai nhưng không có số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) do C chuyển cho T7.

Tại Cáo trạng số 782/CT-VKS-P2 ngày 28/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai truy tố các bị cáo Lê Đình C, Ngô Duy K, Nguyễn Văn N, Vũ Thanh D, Vũ Đại L, Mai Thế H3 về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 170 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện VKSND tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố theo bản Cáo trạng số 782/CT-VKS-P2 ngày 28/6/2019 và đề nghị xử phạt bị cáo Lê Đình C 12 năm – 14 năm tù; bị cáo Ngô Duy K 07 năm – 08 năm tù; bị cáo Nguyễn Văn N 06 năm – 07 năm tù; bị cáo Vũ Thanh D 05 năm – 06 năm tù, Vũ Đại L 05 năm – 06 năm tù, Mai Thế H3 05 năm – 06 năm tù.

Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 587 Bộ luật Dân sự, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tuyên buộc tất cả các bị cáo phải liên đới bồi thường cho anh Dương Đăng K1 theo quy định của pháp luật.

Luật sư Trương Lê Minh T5 bào chữa theo luật định cho các bị cáo nêu quan điểm cho rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo Lê Đình C, Ngô Duy K, Nguyễn Văn N, Vũ Thanh D, Vũ Đại L, Mai Thế H3 đã rõ. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 170 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên cũng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải, bản thân chưa có tiền án, tiền sự, tự nguyện giao nộp số tiền 10.000.000đ để khắc phục hậu quả; các bị cáo K, N, D, L, H3 sau khi phạm tội đã ra đầu thú. Đây là các tình tiết giảm nhẹ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đồng Nai, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bị hại là anh Dương Đăng K1, người làm chứng chị Trương Vũ Thủy T6, anh Bùi Văn H4 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy, anh K1, chị T6, anh H4 đã có đầy đủ lời khai và anh K1 đã có đơn yêu cầu bồi thường tại hồ sơ vụ án, việc anh K1, chị T6, anh H4 vắng mặt không ảnh hưởng tới việc xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh K1, chị T6, anh H4.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa các bị cáo Lê Đình C, Ngô Duy K, Nguyễn Văn N, Vũ Thanh D, Vũ Đại L, Mai Thế H3 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có tại hồ sơ, đã có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 18 giờ ngày 18/12/2017, tại quán cà phê A ở đường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, Phạm Đình V1 rủ Lê Đình C, Ngô Duy K, Nguyễn Văn N, Vũ Thanh D, Vũ Đại L, Mai Thế H3 đến Công ty T, địa chỉ: số 15, đường L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai đòi anh Dương Đăng K1 đưa số tiền 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng) mà V1 cho rằng anh K1 nợ Nguyễn Văn T7, thì được cả bọn đồng ý. V1 đã thuê anh Bùi Minh H2 là tài xế xe ô tô biển số 60A-433.xx chở C, K, N, D, L, H3 đi lấy tiền của anh K1, nhưng do xe không đủ chỗ ngồi nên K ở lại quán cà phê A cùng V1.

Đến 22 giờ 20 phút cùng ngày, tại Công ty T, C, N, D, L, H3 đã có hành vi dùng vũ lực và khống chế buộc anh K1 phải miễn cưỡng giao số tiền 512.000.000đ (Năm trăm mười hai triệu đồng) và buộc anh K1 phải viết giấy nhận nợ 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) hẹn đến 10 giờ ngày 19/12/2017 phải giao đủ tiền cho C. Sáng ngày 19/12/2017, V1 cùng C, K, N, D, L, H3 đến Công ty T tìm anh K1 để lấy số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) mà anh K1 viết giấy nhận nợ, nhưng Công ty T đóng cửa nên các bị cáo không lấy được tiền.

Số tiền 512.000.000đ (Năm trăm mười hai triệu đồng) chiếm đoạt của anh K1, V1 chia cho C, K, N, D, H3, L mỗi người 10.000.000đ (Mười triệu đồng) và đưa thêm cho C 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) để cả nhóm đi ăn uống, số tiền còn lại V1 chiếm giữ hết.

Với hành vi phạm tội như trên, các bị cáo Lê Đình C, Ngô Duy K, Nguyễn Văn N, Vũ Thanh D, Vũ Đại L, Mai Thế H3 bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai truy tố về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 170 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Bị cáo Lê Đình C khi nghe tên V1 gọi đến quán cà phê A và bảo đi lấy tiền anh K1 nợ tên T7 thì đã đồng ý và gọi điện thoại cho K nói K gọi thêm người cùng tham gia. K đã gọi điện thoại cho Nguyễn Văn N, và N đã rủ thêm Vũ Thanh D, Vũ Đại L, Mai Thế H3. Bị cáo Lê Đình C đã trực tiếp đưa đồng bọn đến Công ty T đe dọa, dùng vũ lực khống chế buộc anh K1 phải giao tiền và viết giấy nhận nợ nên bị cáo phải chịu trách nhiệm với vài trò chính, là người tích cực thực hiện hành vi phạm tội. Đối với bị cáo Ngô Duy K, tuy không trực tiếp tham gia thực hiện hành vi phạm tội, nhưng khi nghe tên V1 gọi điện thoại thì đã gọi điện thoại ngay cho đồng bọn để đi đòi nợ. Đồng thời đến sáng ngày 19/12/2017, K cũng đã trực tiếp cùng với các tên V1, C, N, Vương, L, H3 đến Công ty T tìm anh K1 để lấy số tiền 1 tỷ đồng đã buộc anh K1 viết giấy nhận nợ. Nhưng Công ty đã đóng cửa nên các bị cáo không lấy được tiền. Như vậy, bị cáo K giữ vai trò giúp sức tích cực để đồng bọn thực hiện hành vi phạm tội, cho nên giữ vai trò thứ hai trong vụ án. Đối với các bị cáo Nguyễn Văn N, Vũ Thanh D, Vũ Đại L, Mai Thế H3 khi nghe N rủ rê đi đòi nợ đã tích cực tham gia, cho nên xem xét các bị cáo với vai trò là đồng phạm trong vụ án.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Để thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo Lê Đình C, Ngô Duy K, Nguyễn Văn N, Vũ Thanh D, Vũ Đại L, Mai Thế H3 đã có hành vi dùng vũ lực để chiếm đoạt số tiền 512.000.000đ của anh Dương Đăng K1 nên thuộc tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm a khoản 4 Điều 170 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó cần xử phạt các bị cáo một mức hình phạt nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

Khi lượng hình, Hội đồng xét xử xem xét các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chưa có tiền án, tiền sự; tự nguyện giao nộp số tiền 10.000.000 đồng nhằm khắc phục hậu quả; các bị cáo K, N, D, L, H3 sau khi phạm tội đã đầu thú. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xét bị cáo Ngô Duy K, Nguyễn Văn N có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS và không trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt nhưng trong khung hình phạt liền kề đối với hai bị cáo. Đối với các bị cáo Vũ Thanh D, Vũ

Đại L, Mai Thế H3, các bị cáo đều phạm tội lần đầu, là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt nhưng không cần trong khung hình phạt liền kề đối với các bị cáo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Ngoài ra tại hồ sơ thể hiện, Nguyễn Văn T7 và Phạm Đình V1 là những người đã đề cập đến việc anh K1 nợ tiền hoa hồng của T7 và nhờ các bị cáo đi đòi tiền nợ cho T7. Như vậy, T7 là người đã đề cập đến khoản tiền 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng) mà anh K1 đã hứa cho T7 và hoàn toàn biết rõ việc các bị cáo đến gặp K1 và thực hiện hành vi phạm tội. Như vậy, T7 đóng vai trò là xúi giục các bị can thực hiện hành vi phạm tội của mình. Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm của Nguyễn Văn T7 là có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm.

Đồng thời, hành vi của bị cáo Lê Đình C đã có dấu hiệu dùng vũ lực ngay tức khắc làm cho anh K1 lâm vào tình trạng không thể chống cự được. C đã có hành vi tát vào mặt anh K1 02 cái để ép buộc anh K1 viết giấy nhận nợ C số tiền 1 tỷ đồng và nhằm ngăn không để cho anh K1 xuống xe ô tô. Khi trở lại Công ty T lấy tiền, C còn có hành vi giật xấp tiền lấy 12 triệu đồng trên tay của anh K1. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra không xem xét trách nhiệm đối với Lê Đình C có dấu hiệu phạm tội "Cướp tài sản" theo Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có thiếu sót.

Vấn đề trên cũng đã được Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai để điều tra bổ sung (Quyết định số: 12/2019/HSST-QĐ ngày 03 tháng 9 năm 2019). Tuy nhiên, Viện kiểm sát nhân dân vẫn giữ nguyên quan điểm được thể hiện tại Công văn số 1169/CV- VKS-P2 ngày 04/10/2019. Do đó, HĐXX tiếp tục kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét những vấn đề trên nhằm không bỏ lọt tội phạm, xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, các bị cáo đã trả cho anh Dương Đăng K1 số tiền 60.000.000đ. Anh K1 yêu cầu các bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền chiếm đoạt còn lại là 452.000.000đ. Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 587 Bộ luật dân sự; buộc các bị cáo Lê Đình C, Ngô Duy K, Nguyễn Văn N, Vũ Thanh D, Vũ Đại L, Mai Thế H3 liên đới bồi thường cho anh Dương Đăng K1 số tiền 452.000.000đ; chia theo

phần mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho anh K1 số tiền 75.333.000đ (bảy mươi lăm triệu ba trăm ba mươi ba ngàn đồng).

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Đồng Nai phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Xét quan điểm bào chữa của luật sư có một phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 3.766.650đ (75.333.000 x 5%) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Tuyên bố các bị cáo Lê Đình C, Ngô Duy K, Nguyễn Văn N, Vũ Thanh D, Vũ Đại L, Mai Thế H3 phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự;

[1.1] Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: **Bị cáo Lê Đình C 12 (mười hai) năm tù.** Thời hạn tù tính từ ngày 29/8/2018.

[1.2] Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: **Bị cáo Ngô Duy K 08 (tám) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 17/9/2018.

Xử phạt: **Bị cáo Nguyễn Văn N 07 (bảy) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 17/9/2018.

[1.3] Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: **Bị cáo Vũ Thanh D 06 (sáu) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 17/9/2018.

[1.4] Xử phạt: **Bị cáo Vũ Đại L 06 (sáu) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 17/9/2018.

[1.5] Xử phạt: **Bị cáo Mai Thế H3 06 (sáu) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 18/9/2018.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 587 Bộ luật dân sự;

Buộc các bị cáo Lê Đình C, Ngô Duy K, Nguyễn Văn N, Vũ Thanh D, Vũ Đại L, Mai Thế H3 liên đới bồi thường cho anh Dương Đăng K1 số tiền 452.000.000đ (bốn trăm năm mươi hai triệu đồng); chia theo phần mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho anh K1 số tiền 75.333.000đ (bảy mươi lăm triệu ba trăm ba mươi ba ngàn đồng).

[3] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 3.766.650 (ba triệu bảy trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm năm mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- PV 27, Sở Tư pháp;
- Cơ quan điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai;
- THAHS - THADS tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo - Trại giam B5;
- Luật sư; đương sự;
- Lưu (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thành Sơn